TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 – CẦN THƠ** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2026/HNGĐ-ST
Ngày 11-02-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Triều Vũ Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Kim Phước

Ông Nguyễn Thanh Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa*:* Bà Dương Hồng Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại Hội trường xét xử – Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ tiến hành mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 300/2025/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 429/2025/QĐXXST - DS ngày 29 tháng 12 năm 2025; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Trương Thị Tuyết L, sinh năm 1985; Căn cước: 094185011624; Địa chỉ: 3/62 đường H, phường S, thành phố Cần Thơ. (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Ngô Văn N, sinh năm 1985; CCCD: 094085000890; Địa chỉ: Ấp T, xã A, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13/11/2025, cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trương Thị Tuyết L trình bày:

Vào năm 2006, bà Trương Thị Tuyết L và ông Ngô Văn N tự nguyện chung sống với nhau. Đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi chung sống hạnh phúc được một

thời gian ngắn thì đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông N đã ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian chung sống bà L và ông N có 01 (một) người con chung là cháu Ngô Thị Mai A, sinh ngày 26/10/2007. Về tài sản không có. Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa bà Trương Thị Tuyết L yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ giải quyết: Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với ông Ngô Văn N. Về con chung: Hiện đã thành niên, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Đối với bị đơn ông Ngô Văn N: Kể từ khi thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông N, nhưng ông không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như tham dự theo các giấy triệu tập của Tòa. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng*:*

Bị đơn ông Ngô Văn N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông N.

Về quan hệ tranh chấp: Bà Trương Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu ly hôn ông Ngô Văn N. Về con chung: không yêu cầu xem xét. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là " Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, năm 2006 bà L và ông N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, đến năm 2008 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (nay là phường S, thành phố Cần Thơ). Xét thấy, việc chung sống của ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông N đến tham dự phiên hòa giải để hàn gắn mâu thuẫn, nhưng ông N vẫn vắng

mặt. Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Nhận thấy, hai bên đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng không thể tiếp tục duy trì đời sống vợ chồng với nhau. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận cho bà L được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Trương Thị Tuyết L và ông Ngô Văn N có 01 (một) người con chung là cháu Ngô Thị Mai A, sinh ngày 26/10/2007. Hiện cháu đã thành niên, bà L không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Trương Thị Tuyết L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Trương Thị Tuyết L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trương Thị Tuyết L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ông Ngô Văn N không phải chịu án phí.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Vị đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ, thành phố Cần Thơ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Tuyết L được ly hôn với ông Ngô Văn N.

2/ Về con chung: Hiện cháu Ngô Thị Mai A, sinh ngày 26/10/2007 đã thành niên, bà Trương Thị Tuyết L không yêu cầu giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét

3/ Về tài sản chung: Bà Trương Thị Tuyết L không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Trương Thị Tuyết L trình bày không có. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Tuyết L có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà L đã nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009823 ngày 17/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bà L đã nộp xong án phí. Ông Ngô Văn N không phải chịu án phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

7/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- UBND phường Sóc Trăng, thành phố Cần Thơ
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tăng Triều Vũ Hà